

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2025/DS-ST**
Ngày: 30-9-2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đặng Thị Bích Loan
- Bà Nguyễn Thị Oanh Thy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Đỗ Phúc Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 213/2025/TLST-DS ngày 05/6/2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Minh H, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Ch, xã Mỹ Y, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Xuân H1, sinh năm 1959 (vắng mặt).

2. Bà Trương Thị Kim H2, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 4 Phước L, xã Mỹ Y, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: Ấp Ch, xã Mỹ Y, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2025, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Minh H trình bày:

Bà Huỳnh Thị Minh H và bà Trương Thị Kim H2 có mối quan hệ quen biết ngoài xã hội. Ngày 10/02/2025, bà H cho bà H2 vay số tiền 300.000.000đồng (ba trăm triệu đồng), thời hạn vay 03 tháng tính từ ngày 10/02/2025, lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng là 2%/tháng theo giấy biên nhận (cam kết) ngày 10/02/2025, hợp đồng không công chứng, chứng thực. Thực hiện hợp đồng, bà H đã giao cho bà H2 số tiền 300.000.000đồng, mỗi tháng bà H2 có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền lãi là 6.000.000đồng, tháng đầu tiên bà H2 chỉ giao cho bà H số tiền lãi là 3.000.000đồng nên bà H không chịu nhận, hai bên xảy ra tranh chấp. Đến hạn trả tiền nợ gốc và lãi nhưng bà H2 không chịu trả tiền cho bà H. Bà H nhiều lần yêu cầu bà H2 thanh toán tiền nợ gốc và lãi nhưng bà H2 cố tình lẩn tránh, không chịu trả nợ.

Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2025, bà H khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị Kim H2 và ông Nguyễn Xuân H1 liên đới trả cho bà H số tiền nợ gốc 300.000.000đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày 10/3/2025 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại biên bản làm việc ngày 11/8/2025 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà H bổ sung, thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Theo đó, bà H khởi kiện yêu cầu bà H2 thanh toán cho bà H số tiền nợ gốc 300.000.000đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày 10/3/2025 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 30/9/2025, cụ thể: $300.000.000\text{đồng} \times 06\text{ tháng} \times 20\text{ ngày} \times 1,66\%/tháng = 33.200.000\text{đồng}$. Bà H không yêu cầu ông Nguyễn Xuân H1 liên đới cùng bà H2 thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh căn cứ quy định tại Điều 196, Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ghi ý kiến bà H2, ông H1 đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Tuy nhiên, bà H2, ông H1 vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đối với bà H2. Buộc bà H2 có nghĩa vụ thanh toán cho bà H số tiền nợ gốc: 300.000.000đồng và số tiền nợ lãi: 33.200.000đồng, tổng cộng: 333.200.000đồng.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà H khởi kiện yêu cầu bà H2 thanh toán số tiền 300.000.000đồng theo giấy biên nhận (cam kết) ngày 10/02/2025. Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp

đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh theo thủ tục sơ thẩm.

[2]. Về phạm vi khởi kiện:

[2.1]. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét những nội dung theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được quy định tại Điều 5, Điều 188 của Bộ luật Tố tụng dân sự; những nội dung khác không liên quan đến nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án không xem xét đến.

[2.2]. Quá trình giải quyết vụ án, bà H bổ sung, thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Theo đó, bà H không yêu cầu ông H1 liên đới cùng bà H2 thanh toán cho bà H số tiền nợ gốc 300.000.000đồng và số tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày 10/3/2025 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, việc bổ sung, thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của bà H không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Điều 5, Điều 188, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bà H2, ông H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng bà H2, ông H1 cố tình vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà H2, ông H1.

[4]. Về nội dung vụ án:

[4.1]. Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc: Bà H khởi kiện yêu cầu bà H2 thanh toán số tiền nợ gốc 300.000.000đồng. Chứng cứ bà H cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà H là giấy biên nhận (cam kết) ngày 10/02/2025 có chữ ký của bà H2. Nội dung giấy biên nhận (cam kết) ngày 10/02/2025 thể hiện: “ bà H cho bà H2 vay số tiền 300.000.000đồng (ba trăm triệu đồng), thời hạn vay 03 tháng tính từ ngày 10/02/2025, lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng là 2%/tháng”. Quá trình giải quyết vụ án, bà H2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bà H2 đến Tòa án trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ nhằm bảo vệ quyền lợi của bà H2 đối với yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng bà H2 cố tình vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà H cung cấp gồm: giấy biên nhận (cam kết) ngày 10/02/2025, thể hiện tại mục “người mượn” có chữ ký, chữ viết của bà H2. Tại kết luận giám định số: 1213/KL-KTHS ngày 17/8/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh tiến hành giám định và kết luận: Chữ viết “Trương Thị KHoàng”, chữ viết “Trương Thị Kim H2”, chữ viết “tôi đã đọc và đồng ý Ký”, ở cuối trang 2 trên tài liệu ký hiệu A với: Chữ viết “Tôi đã đọc và đồng ý” và chữ viết “Trương Thị Kim H2”, ở mục “Bên B”, trên tài liệu ký hiệu M là do cùng một người viết ra. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu bà H2 thanh toán số tiền nợ gốc là 300.000.000đồng (ba trăm triệu đồng).

[4.2]. Xét về yêu cầu trả tiền nợ lãi: Bà H yêu cầu bà H2 trả tiền lãi tính từ ngày 10/3/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 30/9/2025, với mức lãi suất 20%/năm (tương ứng 1,66%/tháng) là phù hợp theo Điều 375, Điều 463 của Bộ

luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể: $300.000.000\text{đồng} \times 06 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} \times 1,66\%/ \text{tháng} = 33.200.000\text{đồng}$.

[5]. Về chi phí giám định: Bà H2 phải chịu toàn bộ chi phí giám định với số tiền 5.712.000đồng. Bà H đã nộp tạm ứng số tiền 5.712.000đồng nên cần buộc bà H2 nộp lại số tiền 5.712.000đồng để hoàn trả cho bà H.

[6]. Về án phí: Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà H được Tòa án chấp nhận theo Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 161, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 375, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Minh H đối với bà Trương Thị Kim H2 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1. Buộc bà Trương Thị Kim H2 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Huỳnh Thị Minh H số tiền nợ gốc: 300.000.000đồng và số tiền nợ lãi: 33.200.000đồng, tổng cộng số tiền: 333.200.000đồng (ba trăm ba mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng).

2. Về chi phí giám định: Buộc bà Trương Thị Kim H2 nộp số tiền 5.712.000đồng để hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Minh H.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Kim H2 phải chịu 16.660.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Thị Minh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Huỳnh Thị Minh H số tiền 7.873.000đồng tạm ứng án phí bà Huỳnh Thị Minh H đã nộp theo biên lai thu số 000.7864 ngày 05/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn; Người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 4 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Đông